

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST
Ngày 20/01/2022
V/v “Ly hôn giữa bà H với ông Q”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tuấn Khanh.
2. Ông Huỳnh Tấn Phát.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Quốc Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

- Đại Diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 208/2021/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Mỹ H**, sinh năm 1990 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Việc Giữa, xã TL, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

* Bị đơn: **Lê Ngọc Q**, sinh năm 1960 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Việc Giữa, xã TL, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

Ông Q có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 04 tháng 11 năm 2021.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn; Bản tự khai ngày 04/11/2021, những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

Vào năm 2010, bà H và ông Lê Ngọc Q tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, tuy nhiên hai bên không có đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Đến tháng 6 năm 2019, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, đánh nhau. Bà H nhiều lần thuyết phục ông Q đoàn tụ, sống nuôi con nhưng không có kết quả. Từ đó, dẫn đến tình cảm vợ, chồng không còn. Vì vậy, bà H và ông Q đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay. Hiện tại, bà H không còn tình cảm vợ, chồng với ông Q nữa, mâu thuẫn vợ, chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Bà H yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết các vấn đề sau đây:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ, chồng giữa bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Lê Ngọc Q.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Lê M, sinh ngày 20/7/2011 và Lê Ngọc Khả D, sinh ngày 22/01/2019. Hiện nay, các con chung đang sống chung với bà H. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M và cháu D, đồng thời không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong thời gian bà H và ông Q chung sống có tạo lập được phần đất có Diện tích 227,8 m² thuộc thửa đất số 5, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp Việc Giữa, xã TL, huyện BD, tỉnh Bến Tre do bà H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra, trên đất còn có một ngôi nhà có kết cấu mái lợp tole, vách tường, cột xi măng, nền lát gạch ceramic. Bà H và ông Q thỏa thuận chia tài sản chung cụ thể như sau:

Bà H được toàn quyền quản lý, sử dụng phần đất có Diện tích 227,8 m² thuộc thửa đất số 5, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp Việc Giữa, xã TL, huyện BD, tỉnh Bến Tre và một ngôi nhà có kết cấu mái lợp tole, vách tường, cột xi măng, nền lát gạch ceramic được xây dựng trên đất. Bà H có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Lê Ngọc Q ½ giá trị nhà và đất, tương đương với số tiền là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Tuy nhiên, vào ngày 18/11/2021, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã TL, huyện BD, bà H đã thanh toán cho ông Q 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Do đó, bà H chỉ thanh toán cho ông Q số tiền còn lại là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) nữa là xong. Thời gian thanh toán số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) hai bên thỏa thuận vào ngày 01/01/2023.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04/11/2021, đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 04/11/2021 của ông Lê Ngọc Q, ông Q trình bày: Ông Lê Ngọc Q thống nhất hoàn toàn với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Mỹ H về quá trình chung sống,

không có đăng ký kết hôn, nguyên nhân vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Do đó, bà Nguyễn Thị Mỹ H yêu cầu Tòa án giải quyết: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Lê Ngọc Q, ông Q đồng ý.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên là Lê M, sinh ngày 20/7/2011 và Lê Ngọc Khả D, sinh ngày 22/01/2019. Hiện nay, các con chung đang sống chung với bà H. Sau khi ly hôn, ông Q đồng ý cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M và cháu D, ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Lê Ngọc Q đề nghị tòa án ghi nhận nội dung thỏa thuận giữa ông Q với bà H cụ thể như sau:

Bà H được toàn quyền quản lý, sử dụng phần đất có Diện tích 227,8 m² thuộc thửa đất số 5, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp Việc Giữa, xã TL, huyện BD, tỉnh Bến Tre và một ngôi nhà có kết cấu mái lợp tole, vách tường, cột xi măng, nền lát gạch ceramic được xây dựng trên đất. Bà H có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Q ½ giá trị nhà và đất, tương đương với số tiền là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Thời gian thanh toán chia làm 02 lần:

Lần thứ nhất vào ngày 01/01/2022, bà H thanh toán cho ông Q 175.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Lần thứ hai vào ngày 01/01/2023, bà H thanh toán cho ông Q 175.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Trong thời gian bà H chưa bồi hoàn tiền, ông Q tiếp tục ở chung nhà, tuy nhiên sau khi bà H thanh toán được 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) thì ông Q sẽ rời khỏi nhà để bà H toàn quyền quản lý, sử dụng nhà và đất. Số tiền còn lại sẽ thanh toán vào ngày 01/01/2023.

Về nợ chung: Không có.

** Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 8, 9, 14, 15, 16, 33, 53, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Điều 213 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Lê Ngọc Q.

Về nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị Mỹ H với ông Lê Ngọc Q. Bà H được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên là Lê M, sinh ngày 20/7/2011 và Lê Ngọc Khả D, sinh ngày 22/01/2019. Ghi nhận việc bà H tự nguyện không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị Mỹ H với ông Lê Ngọc Q cụ thể như sau:

Bà H được toàn quyền quản lý, sử dụng phần đất có Diện tích 227,8 m² thuộc thửa đất số 5, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp Việc Giữa, xã TL, huyện BD, tỉnh Bến Tre và một ngôi nhà có kết cấu mái lợp tole, vách tường, cột xi măng, nền lát gạch ceramic được xây dựng trên đất. Bà H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Q ½ giá trị nhà và đất tương đương với số tiền là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Tuy nhiên, bà H đã bồi hoàn cho ông Q 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Do đó, bà H tiếp tục bồi hoàn cho ông Q số tiền còn lại là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Về nợ chung: Hai bên khai thống nhất không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Ngọc Q có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt, do đó xét xử vắng mặt ông Q là phù hợp với Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục công bố chứng cứ tại phiên tòa: Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Mỹ H cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới là đơn xin xác nhận ngày 18/11/2021, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã TL, huyện BD, tỉnh Bến Tre với nội dung “Bà Nguyễn Thị Mỹ H giao cho ông Lê Ngọc Q số tiền hai trăm triệu đồng”. Hội đồng xét xử công khai chứng cứ mới theo quy định tại Điều 254 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu của các đương sự và đề nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Lê Ngọc Q tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010, tuy nhiên hai bên đều khai thống nhất không có đăng ký kết hôn theo luật định. Lời khai của hai bên đương sự phù hợp với xác nhận ngày 05/10/2021 của Ủy ban nhân dân xã TL “Ông Lê Ngọc Q và bà Nguyễn Thị Mỹ H không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL” và phù hợp với xác nhận ngày 05/10/2021 của Ủy ban nhân dân xã Phú Vang “Đương sự Nguyễn Thị Mỹ H và Lê Ngọc Q không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Vang”. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Lê Ngọc Q là có căn cứ. Vì vậy, đủ cơ sở xác định bà H và ông Q không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo luật định. Hiện tại, hai bên cũng không có nguyện vọng đăng ký kết hôn. Do đó quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Q là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, bà Nguyễn Thị Mỹ H yêu cầu không công nhận vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Lê Ngọc Q là có cơ sở và phù hợp với Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị Mỹ H với ông Lê Ngọc Q. Bà H được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên là Lê M, sinh

ngày 20/7/2011 và Lê Ngọc Khả D, sinh ngày 22/01/2019, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của cháu M trên 07 tuổi.

Ghi nhận việc bà H tự nguyện không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị Mỹ H với ông Lê Ngọc Q cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị Mỹ H được toàn quyền quản lý, sử dụng phần đất có Diện tích 227,8 m² thuộc thửa đất số 5, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp Việc Giữa, xã TL, huyện BD, tỉnh Bến Tre và một ngôi nhà có kết cấu mái lợp tole, vách tường, cột xi măng, nền lát gạch ceramic được xây dựng trên đất. Bà H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Ngọc Q ½ giá trị nhà và đất tương đương với số tiền là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Tuy nhiên, vào ngày 18/11/2021, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã TL, huyện BD, bà H đã thanh toán cho ông Q 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Do đó, bà H tiếp tục thanh toán cho ông Q số tiền còn lại là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) vào ngày 01/01/2023 là hoàn tất.

Ông Q không có yêu cầu lưu cư nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Lê Ngọc Q khai thống nhất không có nên không xét đến.

[6] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 8, 9, 14, 15, 16, 33, 53, 59, 63, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 213 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 227, 228, 254 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Lê Ngọc Q.

2. Về nuôi con chung:

Bà Nguyễn Thị Mỹ H được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên là Lê M, sinh ngày 20/7/2011 và Lê Ngọc Khả D, sinh ngày 22/01/2019.

Ghi nhận việc bà H tự nguyện không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Ông Q không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Bà H trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và Tòa án có thể quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung:

Bà Nguyễn Thị Mỹ H được toàn quyền quản lý, sử dụng phần đất có Diện tích 227,8 m² thuộc thửa đất số 5, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp Việc Giữa, xã TL, huyện BD, tỉnh Bến Tre và một ngôi nhà có kết cấu mái lợp tole, vách tường, cột xi măng, nền lát gạch ceramic được xây dựng trên đất. Bà H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Ngọc Q 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) vào ngày 01/01/2023.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Lê Ngọc Q khai thống nhất không có nên không xét đến.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000299 ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BD, tỉnh Bến Tre.

Vậy, bà Nguyễn Thị Mỹ H đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị Mỹ H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Lê Ngọc Q vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- Ủy ban nhân dân xã Phú Vang;
- Ủy ban nhân dân xã TL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Đăng Phi